

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - H3 phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 08/07/2024.

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*\*/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu H1.

*\*/ Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang T và bà Lê Thị O.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Nhật L - Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị H2 - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST- HNGĐ, ngày 11/04/2024, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04/06/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Hồng H3, sinh năm 1986.

**2. Bị đơn:** Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1985.

Đều đăng ký HKTT và trú tại: thôn T1, xã B, huyện K, tỉnh H. (Đều vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 09/08/2008 và cháu Đỗ Diệu L1, sinh ngày 27/08/2010. Người giám hộ cho cháu Duy A, cháu L1 là chị Phạm Thị Hồng H3, anh Đỗ Văn M – bố mẹ đẻ của các cháu. (Đều vắng mặt).

**4. Người làm chứng:** Anh Trương Huy H4, sinh năm 1998. Địa chỉ: thôn T1, xã B, huyện K, tỉnh H. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn xin ly hôn và các biên bản ghi lời khai của đương sự tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn - chị H3 trình bày: Chị H3 với anh Đỗ Văn M, sinh năm 1984 là người ở thôn T1, xã B, có được tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau,

có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình M vào ngày 26/09/2007. Sau khi kết hôn thì chị H3, anh M sinh sống ở thôn T1, xã B, huyện K. Vợ chồng chung sống H3 phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng về quan điểm lối sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến việc không chia sẻ, không thấu hiểu nhau. Anh M làm ăn thua lỗ nhưng lại không muốn chịu trách nhiệm, để một mình chị H3 phải gánh vác. Hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi, khiến cho chị H3 vô cùng thất vọng. Dần dần tình cảm vợ chồng xa cách, kinh tế làm ăn sa sút khiến anh chị lại càng trở nên mâu thuẫn sâu sắc hơn. Chị H3 cũng từng làm đơn xin ly hôn anh M nhưng sau đó lại nghĩ đến các con chung nên chị lại rút đơn về. Mặc dù vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị vẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị cũng sống ly thân nhau 03 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Trong quá trình vợ chồng anh chị mâu thuẫn, gia đình hai bên đã tích cực động viên đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị H3 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ chung sống cùng nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

*\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho bị đơn - anh Đỗ Văn M đến trụ sở Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện K cũng đã nhiều lần về địa phương nơi ở của anh M để gặp trực tiếp ghi lời khai, quan điểm của anh M về việc chị H3 xin ly hôn và các mối quan hệ có liên quan nhưng anh M đều không có nhà. Tòa án đã giao lại thông báo, giấy triệu tập cho người nhà của anh M, đồng thời niêm yết tại nơi cư trú của anh M để báo cho anh M biết đến tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do.*

*\* Về con chung:* Chị H3 trình bày anh chị có hai con chung là cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 09/08/2008 và cháu Đỗ Diệu L1, sinh ngày 27/08/2010. Các cháu đều phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Hiện tại, cháu Duy A và cháu L1 đều đang ở cùng chị H3. Ngoài ra, anh chị không có con riêng, không nhận con nuôi, chị H3 hiện không mang thai. Khi ly hôn chị H3 xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H3 không yêu cầu tòa án đặt ra giải quyết. Hiện tại chị H3 làm nghề buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ/1 tháng.

*\* Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:* Chị H3 không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án ly hôn này.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đỗ Duy A và cháu Đỗ Diệu L1 đều trình bày:* Các cháu là con của chị H3 và anh M. Trong quá trình chung sống, giữa chị H3 và anh M có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhiều lần, anh chị không còn chung sống cùng nhau mấy năm nay. Nếu chị H3 và anh M ly hôn thì quan điểm của các cháu là xin được tiếp tục ở với mẹ, đồng thời cũng xin vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn - chị H3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Duy A và cháu L1 đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị H3 có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt, cháu Duy A, cháu L1 có quan điểm xin giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - anh M đã được triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Người làm chứng là anh Trương Huy H4 đã có quan điểm xin được vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu:***

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của BLTTDS năm 2015.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị HĐXX xử cho chị H3 được ly hôn với anh M; Đề nghị xử giao cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 09/08/2008 và cháu Đỗ Diệu L1, sinh ngày 27/08/2010 cho chị H3 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Duy A và cháu L1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Chị H3 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

**1/ Về tố tụng:** Anh M đăng ký HKTT và hiện trú tại thôn T1, xã B, huyện K, tỉnh H. Nên căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

- Nguyên đơn chị H3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Duy A và cháu L1 đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị H3 có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt, cháu Duy A, cháu L1 có quan điểm xin giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - anh M đã được triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do (lần 1 là ngày 20/06/2024); Người làm chứng là anh Trương Huy H4 đã có quan điểm xin được vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết, xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

**2/ Về quan hệ hôn nhân:** Chị H3 và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã B vào ngày 26/09/2007 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị H3, anh M không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân nhau. Chị H3 xác định không còn tình cảm với anh M, không thể chung sống đoàn tụ cùng nhau nên xin ly hôn anh M.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện K thụ lý vụ án ly hôn giữa chị H3 và anh M, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và nhiều lần gửi giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho anh M để anh M biết, đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện K viết bản tự khai hoặc trình bày lời khai và tham gia phiên hòa giải. Bản thân anh M vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương, biết được nội dung thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, anh M vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án. Điều đó, chứng tỏ anh M cũng không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân cùng chị H3, trái lại việc anh M không đến Tòa án theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án còn nhằm mục đích gây khó khăn cho chị H3 trong việc giải quyết ly hôn.

Theo xác minh tại địa phương, lời khai của chị H3 và chính người thân trong gia đình anh chị thì thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H3, anh M đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã diễn ra trong một thời gian dài, đã được người thân trong gia đình hai bên nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả.

Do vậy, có căn cứ để khẳng định mâu thuẫn giữa chị H3 và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H3 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**3/ Về con chung:** Chị H3 trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 09/08/2008 và cháu Đỗ Diệu L1, sinh ngày 27/08/2010. Cháu Duy A và cháu L1 hiện ở cùng với chị H3. Chị H3 xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và cháu Duy A, cháu L1 cũng có quan điểm xin được tiếp tục ở với mẹ. Anh

M mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình không đến tòa án làm việc, không trình bày quan điểm của mình về con chung. Xét nguyện vọng của chị H3 về việc giao con chung cho chị H3 tiếp tục nuôi dưỡng thì thấy rằng con chung của anh chị là cháu Duy A và cháu L1 đang ở cùng chị H3 ổn định, các cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện cũng như ổn định cho các cháu, cần giữ nguyên tình trạng con chung như hiện tại, giao cả hai con chung là cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 09/08/2008 và cháu Đỗ Diệu L1, sinh ngày 27/08/2010 cho chị H3 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận. Sau khi ly hôn anh M có quyền thăm nom con chung của mình và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**4/ Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị H3 không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết về việc đóng góp phí tổn nuôi con chung, anh M thì không trình bày quan điểm nên Tòa án nhân dân huyện K không đặt ra giải quyết.

**5/ Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp:** Chị H3 không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét trong vụ án ly hôn này, trong khi anh M thì cố tình lẩn tránh, không khai báo quan điểm, yêu cầu của mình, nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này chị H3, anh M có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

**6/ Về án phí:** Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H3 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ mà chị H3 đã nộp theo biên lai thu số 0001212 ngày 11/04/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Knên chị H3 đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

**7/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị Hồng H3 được ly hôn với anh Đỗ Văn M.

**2/ Về con chung:** Giao cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 09/08/2008 và cháu Đỗ Diệu L1, sinh ngày 27/08/2010 cho chị H3 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Duy A và cháu L1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không đặt ra việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh M có quyền thăm nom con chung của mình và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3/ Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:** Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn này.

**4/ Về án phí:** Chị Phạm Thị Hồng H3 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ mà chị H3 đã nộp theo biên lai thu số 0001212 ngày 11/04/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Knên chị H3 đã nộp xong án phí của mình.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5/ Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, vắng tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSV.A.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu H1**

